| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>TỈNH TIỀN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-01-2022
*V/v Tranh chấp Ly hôn*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Minh Sang

2. Bà Nguyễn Thị Mai Khanh

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Võ Tấn Dũ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2021/TB-TLVA ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Mai Thị Mỹ T, sinh năm 2001; (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TT, xã TLĐ, huyện ChT, tỉnh Tiền Giang;

Chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã PC, huyện CL, tỉnh Tiền Giang;

** Bị đơn:* Anh Lê Ngọc Đ, sinh năm 1997; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TT, xã TLĐ, huyện ChT, tỉnh Tiền Giang;

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 05 tháng 5 năm 2021 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Mai Thị Mỹ T trình bày:

Chị và anh Lê Ngọc Đ sau khi quen biết đã tiến tới kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang ngày 22/5/2019. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2020 thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hòa hợp và thường xuyên cãi vã nhau nguyên nhân do anh Đ nghiện ma túy và hay bạo hạnh, ngược đãi chị. Dù đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay, chị về sống với cha mẹ ruột và đang nuôi cháu Lê Phương N là con chung của chị và anh Đ.

Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc và cũng không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xin ly hôn anh Lê Ngọc Đ

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Phương N, sinh ngày 24/02/2020, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương N, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn - anh Lê Ngọc Đ: Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị Mỹ T, cho chị T được ly hôn với anh Lê Ngọc Đ; Về con chung: Giao con chung tên Lê Phương N, sinh ngày 24/02/2020 cho chị Mai Thị Mỹ T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Ngọc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét do không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn – chị Mai Thị Mỹ T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn - anh Lê Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Mai Thị Mỹ T và anh Lê Ngọc Đ đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 22/5/2019, như vậy chị T và anh Đ có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị Mỹ T và anh Lê Ngọc Đ là hợp pháp.

[2.1.2] Chị T trình bày quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hòa hợp và thường xuyên cãi vã nhau nguyên nhân do anh Đ nghiện ma túy và hay bạo hạnh, ngược đãi chị, vợ chồng đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả và đã ly thân nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay.

[2.1.3] Lời trình bày của chị T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nguyên đơn trình bày là sự thật. Anh Lê Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh Đ không đến để tham gia hòa giải đoàn tụ, không có thành ý đoàn tụ. Chị T và anh Đ không còn tình nghĩa vợ chồng thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị Mai Thị Mỹ T và anh Lê Ngọc Đ có 01 con chung tên Lê Phương N, sinh ngày 24/02/2020, hiện cháu Phương N chưa được 36 tháng tuổi, đang được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và phát triển bình thường của trẻ, yêu cầu được trực tiếp

nuôi con của chị T là phù hợp quy định tại  Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Mai Thị Mỹ T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang là có cơ sở, phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Mai Thị Mỹ T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Mỹ T được ly hôn với anh Lê Ngọc Đ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Phương N, sinh ngày 24/02/2020. Giao cháu Lê Phương N cho chị Mai Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Ngọc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Ngọc Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Mai Thị Mỹ T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu số 0004325 ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh TG;
- VKSND H. Châu Thành-TG;
- THADS H. Châu Thành-TG;
- UBND xã Tân Lý Đông-H.Châu Thành-TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Nguyễn Thị Mai Thanh**